

Họ và tên HS:

Lớp : 1A...

Điểm đọc		<u>Nhân xét của giáo viên</u>
Đọc tiếng:....		
Đọc thầm:....		

I. Đọc thành tiếng. (6 điểm)

GV cho HS bốc thăm và đọc theo phiếu. Mỗi em đọc khoảng 2 đến 3 phút.

II. Đọc thầm bài văn và làm bài tập. (4 điểm) – (Thời gian làm bài: 15 phút)

1.Nối từ với hình vẽ (2 điểm)



đàn vịt

trăng rằm

múa lân

bánh chưng

Bài 2: Đọc thầm và trả lời câu hỏi: (2 điểm)

Giàn bí

Sân nhà bà có giàn bí to. Từ mặt đất, bí bò ra, phủ tràn lên giàn, ra cả lan can sắt. Lá bí to, mặt lá như phủ phấn. Nụ bí nho nhỏ. Quả bí khi già thì vỏ đậm dần. Bà cẩn thận cắt quả bí già xếp ở kho bếp để ăn dần.

Nối cho phù hợp

Mặt lá

phủ tràn ra cả lan can sắt

Nụ bí

như phủ phấn.

Giàn bí

nho nhỏ.

Quả bí

vỏ đậm dần khi già.

PHÒNG GD & ĐT QUẬN LONG BIÊN
TRƯỜNG TIỂU HỌC GIA THƯỢNG

Thứ ngày tháng năm 2022

BÀI KIỂM TRA ĐỊNH KÌ HỌC KÌ I

Năm học 2022 - 2023

Môn Tiếng Việt - Lớp 1

(Bài kiểm tra Viết)

Họ và tên HS:

Lớp : 1A...

I. Học sinh tập chép: (6 điểm)

- u, nh, th, ng
- ăn, ot, ăng, ươt
- tết nơ, sum họp, cơm nếp
- Mẹ đan khăn len cho bé.

A full-page sheet of white graph paper with a light gray grid. The grid consists of small squares, approximately 10 units wide by 10 units high. The lines are thin and evenly spaced. There are no margins or additional markings on the page.

II. Bài tập : (4 điểm)

1. Điền vần iêm hay yêm vào chỗ chấm:

cái

tìm k.....

2. Điền c hay k :

....iên nhấn

...ìm nhọn

...á bơn

...ảm ơn

3.Tìm 2 tiếng chứa vần âng:

HƯỚNG DẪN CHẤM KTĐK CUỐI HKI

Năm học: 2022-2023

MÔN TIẾNG VIỆT - LỚP 1

A. Phần kiểm tra đọc (10 điểm)

I. Đọc thành tiếng (6 điểm): mỗi em đọc theo phiếu trong thời gian 1 phút.

- Thao tác đọc đúng: tư thế, cách đặt sách vở, cách đưa mắt đọc
- Phát âm rõ các âm vần khó, cần phân biệt: 1 điểm
- Đọc trơn, đúng tiếng, từ, cụm từ, câu (không đọc sai quá 10 tiếng): 1 điểm
- Âm lượng đọc vừa đủ nghe: 1 điểm
- Tốc độ đọc đạt yêu cầu (tối thiểu 30 tiếng/1 phút): 1 điểm
- Ngắt nghỉ hơi đúng ở các dấu câu, các cụm từ: 1 điểm
- Trả lời đúng câu hỏi về nội dung đoạn đọc: 1 điểm

II. Đọc thầm và làm bài tập:

- Câu 1(2 điểm) Mỗi tranh nói đúng được 0,5 điểm:
- Câu 2: (2 điểm) Mỗi câu nói đúng được 0,5 điểm.

B. Phần kiểm tra viết: (10 điểm)

I. Viết chính tả: 6 điểm

- Tốc độ đạt yêu cầu: 1 điểm
- Viết đúng kiểu chữ, cỡ chữ: 2 điểm
- Viết đúng chính tả (không mắc quá 5 lỗi): 2 điểm
- Trình bày đúng quy định; viết sạch, đẹp: 1 điểm

II. Bài tập: 4 điểm

1.(1 điểm) Mỗi chỗ trống điền đúng được 0,5 điểm

2.(2 điểm) Mỗi chỗ trống điền đúng được 0,5 điểm

3. (1 điểm) Mỗi tiếng chứa vần đúng được 0,5 điểm